

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công nhận tốt nghiệp hệ đại học chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành “Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh”;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy đợt 4 - Năm 2025 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho 86 sinh viên hệ đại học chính quy, đợt 4 năm 2025 (Có phụ lục và danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

**Điều 2.** Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Công tác – HSSV, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *huy*

- ĐH TN (để b/c);
- BGH (để c/d);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*huy*  
**PGS.TS. Đinh Hồng Linh**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: **1726** /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày **30** tháng **12** năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

| Hạng tốt nghiệp                     | Giỏi | Khá | Trung bình | Tổng số sinh viên tốt nghiệp |
|-------------------------------------|------|-----|------------|------------------------------|
| Ngành đào tạo                       |      |     |            |                              |
| Kế toán                             | 2    | 8   | 19         | 29                           |
| Quản trị kinh doanh                 | 0    | 5   | 10         | 15                           |
| Tài chính - Ngân hàng               | 0    | 5   | 6          | 11                           |
| Kinh tế đầu tư                      | 3    | 3   | 4          | 10                           |
| Kinh tế phát triển                  | 0    | 2   | 0          | 2                            |
| Kinh tế                             | 0    | 0   | 1          | 1                            |
| Luật kinh tế                        | 1    | 0   | 1          | 2                            |
| Marketing                           | 0    | 4   | 4          | 8                            |
| Quản lý công                        | 0    | 3   | 0          | 3                            |
| Kinh doanh quốc tế                  | 0    | 2   | 0          | 2                            |
| Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 0    | 1   | 2          | 3                            |
| Tổng số                             | 6    | 33  | 47         | 86                           |

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 4 - NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1726 /QĐ-ĐHKT&QTKD - ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và QTKD)

| STT | Mã số sinh viên  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Lớp                                   | Ngành đào tạo | Chương trình đào tạo            | Số tín chỉ tích lũy | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10 | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 | Xếp hạng tốt nghiệp |
|-----|------------------|------------------------|------------|-------------|-----------|---------|---------------------------------------|---------------|---------------------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| 1   | DTE1873403010373 | Nguyễn Thị Quỳnh       | 03/07/2000 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K15 - Kế toán Tổng hợp C              | Kế toán       | Kế toán tổng hợp                | 126                 | 6,39                                 | 2,15                                | Trung bình          |
| 2   | DTE1873403010237 | Hoàng Thanh Mai Linh   | 30/04/2000 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K15 - Kế toán Tổng hợp E              | Kế toán       | Kế toán tổng hợp                | 129                 | 6,61                                 | 2,3                                 | Trung bình          |
| 3   | DTE1873403010386 | Nguyễn Thị Nguyên Thái | 02/10/2000 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán chỉ | K15 - Kế toán Tổng hợp E              | Kế toán       | Kế toán tổng hợp                | 126                 | 6,6                                  | 2,38                                | Trung bình          |
| 4   | DTE1873403010448 | Dương Lâm Trang        | 29/10/2000 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K15 - Kế toán Tổng hợp E              | Kế toán       | Kế toán tổng hợp                | 126                 | 6,25                                 | 2,11                                | Trung bình          |
| 5   | DTE1953403010159 | Nguyễn Thị Thuý        | 02/01/2001 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K16 - Kế toán Doanh nghiệp A          | Kế toán       | Kế toán doanh nghiệp            | 127                 | 6,86                                 | 2,39                                | Trung bình          |
| 6   | DTE1953403010367 | Hà Triệu Văn Anh       | 14/04/2001 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày     | K16 - Kế toán Doanh nghiệp B          | Kế toán       | Kế toán doanh nghiệp            | 127                 | 7,05                                 | 2,57                                | Khá                 |
| 7   | DTE1953403010309 | Bùi Đình Nguyễn Hoàng  | 11/07/2001 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K16 - Kế toán Kiểm toán               | Kế toán       | Kế toán kiểm toán               | 127                 | 6,22                                 | 2,09                                | Trung bình          |
| 8   | DTE1953403010200 | Nguyễn Thị Thu Trang   | 26/02/2001 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K16 - Kế toán Kiểm toán               | Kế toán       | Kế toán kiểm toán               | 133                 | 6,43                                 | 2,2                                 | Trung bình          |
| 9   | DTE1953403010302 | Dương Thị Giang        | 27/06/2001 | Lạng Sơn    | Nữ        | Tày     | K16 - Kế toán Tổng hợp C              | Kế toán       | Kế toán tổng hợp                | 134                 | 6,48                                 | 2,19                                | Trung bình          |
| 10  | DTE2053403010048 | Ngô Thị Hà             | 24/07/2002 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K17 - KẾ TOÁN C                       | Kế toán       | Kế toán                         | 125                 | 6,43                                 | 2,18                                | Trung bình          |
| 11  | DTE2053403010729 | Tạ Thu Thảo            | 22/07/2002 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | K17 - Kế toán Tổng hợp Chất lượng cao | Kế toán       | Kế toán tổng hợp chất lượng cao | 125                 | 8,56                                 | 3,48                                | Giỏi                |
| 12  | DTE2153403010003 | Trịnh Viết Dương       | 14/02/2003 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN A                       | Kế toán       | Kế toán                         | 128                 | 6,47                                 | 2,11                                | Trung bình          |
| 13  | DTE2153403010013 | Nguyễn Thúy Kiều       | 08/02/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN A                       | Kế toán       | Kế toán                         | 128                 | 7,03                                 | 2,6                                 | Khá                 |
| 14  | DTE2153403010061 | Bế Đức Mạnh            | 18/09/2002 | Cao Bằng    | Nam       | Tày     | K18 - KẾ TOÁN A                       | Kế toán       | Kế toán                         | 128                 | 6,92                                 | 2,59                                | Khá                 |
| 15  | DTE2153403010253 | Nguyễn Đức Tuấn        | 23/10/2003 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN A                       | Kế toán       | Kế toán                         | 128                 | 6,26                                 | 2,11                                | Trung bình          |
| 16  | DTE2153403010080 | Nguyễn Thị An          | 01/11/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày     | K18 - KẾ TOÁN B                       | Kế toán       | Kế toán                         | 125                 | 6,6                                  | 2,26                                | Trung bình          |
| 17  | DTE2153403010140 | Ngô Thị Thanh Hoài     | 15/05/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN B                       | Kế toán       | Kế toán                         | 125                 | 6,7                                  | 2,43                                | Trung bình          |
| 18  | DTE2153403010204 | Hoàng Văn Hường        | 17/01/2003 | Lạng Sơn    | Nam       | Nùng    | K18 - KẾ TOÁN B                       | Kế toán       | Kế toán                         | 125                 | 6,23                                 | 2                                   | Trung bình          |

| STT | Mã số sinh viên  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Lớp                                      | Ngành đào tạo       | Chương trình đào tạo               | Số tín chỉ tích lũy | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10 | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 | Xếp hạng tốt nghiệp |
|-----|------------------|-----------------------|------------|-------------|-----------|---------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| 19  | DTE2153403010333 | Lý Thị Cẩm Ly         | 06/06/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán Diu | K18 - KẾ TOÁN B                          | Kế toán             | Kế toán                            | 125                 | 6,81                                 | 2,5                                 | Khá                 |
| 20  | DTE2153403010098 | Nguyễn Phương Nga     | 13/03/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN B                          | Kế toán             | Kế toán                            | 128                 | 6,16                                 | 2,01                                | Trung bình          |
| 21  | DTE2153403010524 | Nguyễn Vũ Ngọc Huyền  | 24/12/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN E                          | Kế toán             | Kế toán                            | 128                 | 7,14                                 | 2,63                                | Khá                 |
| 22  | DTE2153403010491 | Đinh Thị Mai Hương    | 16/11/2003 | Yên Bái     | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN E                          | Kế toán             | Kế toán                            | 125                 | 8,39                                 | 3,46                                | Giỏi                |
| 23  | DTE2153403010440 | Trần Thùy Trang       | 28/05/2003 | Yên Bái     | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN E                          | Kế toán             | Kế toán                            | 125                 | 7,02                                 | 2,53                                | Khá                 |
| 24  | DTE2153403010081 | Dương Thị Hải Anh     | 19/03/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 128                 | 6,64                                 | 2,35                                | Trung bình          |
| 25  | DTE2153403010112 | Nguyễn Thúy Anh       | 19/09/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 125                 | 7,04                                 | 2,57                                | Khá                 |
| 26  | DTE2153403010168 | Dương Thu Hà          | 01/10/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN A                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 128                 | 6,68                                 | 2,34                                | Trung bình          |
| 27  | DTE2153403010247 | Nguyễn Thị Hải Anh    | 11/06/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 125                 | 6,85                                 | 2,51                                | Khá                 |
| 28  | DTE2153403010278 | Hoàng Thị Thanh Chúc  | 28/07/2003 | Hà Giang    | Nữ        | Tày     | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 125                 | 6,4                                  | 2,11                                | Trung bình          |
| 29  | DTE2153403010481 | Lê Thị YẾN            | 28/12/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán Diu | K18 - KẾ TOÁN KIỂM TOÁN B                | Kế toán             | Kế toán kiểm toán                  | 125                 | 6,77                                 | 2,34                                | Trung bình          |
| 30  | DTE1873401010114 | Sùng A Minh           | 05/08/2000 | Lai Châu    | Nam       | Mông    | K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp A     | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh tổng hợp       | 132                 | 6,4                                  | 2,21                                | Trung bình          |
| 31  | DTE1873401010221 | Ngô Thị Vân Anh       | 09/11/2000 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | K15 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp D     | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh tổng hợp       | 126                 | 6,5                                  | 2,3                                 | Trung bình          |
| 32  | DTE1953401010064 | Tạ Linh Sơn           | 14/04/2001 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K16 - Quản trị Kinh doanh Tổng hợp A     | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh tổng hợp       | 127                 | 6,13                                 | 2,02                                | Trung bình          |
| 33  | DTE2053401010542 | Vũ Ngọc Khánh         | 07/09/2002 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K17 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh chất lượng cao | 125                 | 7,78                                 | 3,02                                | Khá                 |
| 34  | DTE2053401010224 | Phạm Minh Trang       | 25/12/2002 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | K17 - Quản trị Kinh doanh chất lượng cao | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh chất lượng cao | 125                 | 7,79                                 | 3,04                                | Khá                 |
| 35  | DTE2053401010161 | Trần Thị Nhân         | 12/08/2001 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 128                 | 6,31                                 | 2,13                                | Trung bình          |
| 36  | DTE2153401010085 | Hầu Thị Thương        | 29/10/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán chỉ | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 125                 | 6,33                                 | 2,05                                | Trung bình          |
| 37  | DTE2153401010346 | Giảng A Dinh          | 20/06/2003 | Lào Cai     | Nam       | Mông    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 128                 | 6,32                                 | 2,13                                | Trung bình          |
| 38  | DTE2153401010182 | Phùng An Hưng         | 17/07/2003 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 125                 | 6,46                                 | 2,22                                | Trung bình          |
| 39  | DTE2153401010191 | Đỗ Lan Hương          | 13/12/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Nùng    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 125                 | 7,07                                 | 2,53                                | Khá                 |
| 40  | DTE2153401010167 | Nguyễn Quang Thắng    | 22/10/2003 | Quảng Ninh  | Nam       | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 128                 | 6,24                                 | 2,04                                | Trung bình          |
| 41  | DTE2153401010278 | Đỗ Đình Quân          | 01/02/2003 | Vĩnh Phúc   | Nam       | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 125                 | 6,46                                 | 2,17                                | Trung bình          |
| 42  | DTE2153401010320 | Đoàn Thị Thanh Phương | 12/01/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH B              | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh                | 125                 | 7,34                                 | 2,75                                | Khá                 |

| STT | Mã số sinh viên  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Giới tính | Dân tộc | Lớp                                            | Ngành đào tạo                       | Chương trình đào tạo                     | Số tín chỉ tích lũy | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10 | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 | Xếp hạng tốt nghiệp |
|-----|------------------|------------------------|------------|-----------------|-----------|---------|------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| 43  | DTE2153401010224 | Nguyễn Hồng Thương     | 30/10/2003 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH C                    | Quản trị kinh doanh                 | Quản trị kinh doanh                      | 125                 | 6,91                                 | 2,46                                | Trung bình          |
| 44  | DTE2053401010119 | Nông Thị Phương Thảo   | 27/07/2002 | Thái Nguyên     | Nữ        | Tày     | K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH D                    | Quản trị kinh doanh                 | Quản trị kinh doanh                      | 126                 | 6,98                                 | 2,57                                | Khá                 |
| 45  | DTE1958101030043 | Hoàng Phương Thảo      | 07/02/2001 | Thái Nguyên     | Nữ        | Tày     | K16 - Quản trị Kinh doanh Khách sạn và Du lịch | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Quản trị Kinh doanh Khách sạn và du lịch | 127                 | 7,1                                  | 2,61                                | Khá                 |
| 46  | DTE2058101030162 | Nguyễn Thị Thảo        | 20/10/2002 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K17 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Quản trị Kinh doanh Khách sạn và du lịch | 125                 | 6,74                                 | 2,42                                | Trung bình          |
| 47  | DTE2158101030007 | Lê Thị Huyền Trang     | 01/03/2003 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K18 - QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Quản trị Kinh doanh Khách sạn và du lịch | 125                 | 6,67                                 | 2,3                                 | Trung bình          |
| 48  | DTE1953402010017 | Nguyễn Đình Pháp       | 23/09/2001 | Thái Nguyên     | Nam       | Kinh    | K16 - Tài chính Ngân hàng                      | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 127                 | 6,32                                 | 2,05                                | Trung bình          |
| 49  | DTE2153402010111 | Nguyễn Thùy Linh       | 01/01/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | Nữ        | Kinh    | K17 - Tài chính Chất lượng cao                 | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính chất lượng cao                 | 125                 | 7,7                                  | 3                                   | Khá                 |
| 50  | DTE2053402010028 | Nguyễn Thành Nam       | 07/01/2002 | Thái Nguyên     | Nam       | Kinh    | K17 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A                    | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 128                 | 6,29                                 | 2,09                                | Trung bình          |
| 51  | DTE2153402010030 | Hoàng Thị Thu An       | 19/11/2003 | Bắc Kạn         | Nữ        | Tày     | K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A                 | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính doanh nghiệp                   | 125                 | 6,17                                 | 2,09                                | Trung bình          |
| 52  | DTE2153402010161 | Hoàng Thị Ngọc Chi     | 20/04/2003 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP A                 | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính doanh nghiệp                   | 125                 | 6,63                                 | 2,3                                 | Trung bình          |
| 53  | DTE2153402010133 | Hoàng Khánh Ly         | 09/10/2003 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B                 | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính doanh nghiệp                   | 125                 | 6,56                                 | 2,25                                | Trung bình          |
| 54  | DTE2153402010151 | Hoa Thị Thuyết         | 08/12/2003 | Bắc Kạn         | Nữ        | Nùng    | K18 - TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP B                 | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính doanh nghiệp                   | 125                 | 7,59                                 | 2,99                                | Khá                 |
| 55  | DTE2153402010170 | Đào Thị Hồng Ánh       | 21/11/2003 | Thái Nguyên     | Nữ        | Tày     | K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG                      | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 125                 | 7,11                                 | 2,5                                 | Khá                 |
| 56  | DTE2153402010023 | Hoàng Đức Dũng         | 06/10/2003 | Thái Nguyên     | Nam       | Kinh    | K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG                      | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 125                 | 6,87                                 | 2,52                                | Khá                 |
| 57  | DTE2153402010041 | Nguyễn Trần Khánh Vinh | 25/01/2003 | Thái Nguyên     | Nam       | Tày     | K18 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG                      | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 125                 | 6,77                                 | 2,45                                | Trung bình          |
| 58  | DTE2253402010126 | Trần Tuấn Khoa         | 09/12/1998 | Thái Nguyên     | Nam       | Kinh    | K19 - TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG A                    | Tài chính - Ngân hàng               | Tài chính ngân hàng                      | 125                 | 7,08                                 | 2,69                                | Khá                 |
| 59  | DTE1253401010357 | Nguyễn Thị Diễm Châu   | 14/12/1993 | Lạng Sơn        | Nữ        | Tày     | K9 Thương mại Quốc tế Chất lượng cao           | Kinh tế                             | Thương mại quốc tế                       | 135                 | 6,36                                 | 2,08                                | Trung bình          |
| 60  | DTE2053401200006 | Phùng Thúy Uyên        | 05/07/2002 | Thái Nguyên     | Nữ        | Nùng    | K17 - KINH DOANH QUỐC TẾ                       | Kinh doanh quốc tế                  | Kinh doanh quốc tế                       | 125                 | 7,73                                 | 3,02                                | Khá                 |
| 61  | DTE2153401200033 | Phạm Thị Thanh Tâm     | 01/12/2003 | Hải Dương       | Nữ        | Kinh    | K18 - KINH DOANH QUỐC TẾ                       | Kinh doanh quốc tế                  | Kinh doanh quốc tế                       | 125                 | 7,1                                  | 2,74                                | Khá                 |
| 62  | DTE2053101050005 | Mẫn Thanh Hiền         | 08/04/2002 | Thái Nguyên     | Nữ        | Kinh    | K17 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN                       | Kinh tế phát triển                  | Kinh tế phát triển                       | 125                 | 7,54                                 | 2,83                                | Khá                 |
| 63  | DTE2153101050045 | Mai Ngọc Duy           | 24/07/2003 | Thái Nguyên     | Nam       | Tày     | K18 - KINH TẾ PHÁT TRIỂN                       | Kinh tế phát triển                  | Kinh tế phát triển                       | 125                 | 7,67                                 | 2,97                                | Khá                 |
| 64  | DTE2053401010078 | Lưu Cẩm Ly             | 06/12/2002 | Thái Nguyên     | Nữ        | Sán Diu | K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ                           | Kinh tế đầu tư                      | Kinh tế đầu tư                           | 125                 | 6,21                                 | 2,06                                | Trung bình          |
| 65  | DTE2053101040009 | Lê Công Hiệu           | 24/12/2002 | Thái Nguyên     | Nam       | Kinh    | K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ                           | Kinh tế đầu tư                      | Kinh tế đầu tư                           | 125                 | 6,48                                 | 2,2                                 | Trung bình          |
| 66  | DTE2053101040022 | Vì Minh Quang          | 30/10/2001 | Thái Nguyên     | Nam       | Nùng    | K17 - KINH TẾ ĐẦU TƯ                           | Kinh tế đầu tư                      | Kinh tế đầu tư                           | 125                 | 6,47                                 | 2,2                                 | Trung bình          |

| STT | Mã số sinh viên  | Họ và tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc   | Lớp                        | Ngành đào tạo  | Chương trình đào tạo | Số tín chỉ tích lũy | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 10 | Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 | Xếp hạng tốt nghiệp |
|-----|------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|-----------|----------------------------|----------------|----------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| 67  | DTE2153101040023 | Đông Thị Thanh Bình | 01/10/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ A     | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 7,49                                 | 2,91                                | Khá                 |
| 68  | DTE2153101010046 | Bùi Huy Hoàng       | 31/10/2003 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh      | K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B     | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 7,57                                 | 2,94                                | Khá                 |
| 69  | DTE2153101010053 | Hoàng Thị Huế       | 30/01/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh      | K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B     | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 8,11                                 | 3,33                                | Giỏi                |
| 70  | DTE2153101010022 | Hoàng Đức Quang     | 06/10/2003 | Bắc Kạn     | Nam       | Tày       | K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B     | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 6,5                                  | 2,25                                | Trung bình          |
| 71  | DTE2153101040082 | Hoàng Thị Mai Trang | 26/08/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K18 - KINH TẾ ĐẦU TƯ B     | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 7,36                                 | 2,77                                | Khá                 |
| 72  | DTE2253101040040 | Mai Xuân Tuấn       | 24/06/2001 | Thái Nguyên | Nam       | Thanh Hóa | K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ       | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 8,57                                 | 3,57                                | Giỏi                |
| 73  | DTE2253101040033 | Luân Văn Tấn        | 07/02/2003 | Bắc Kạn     | Nam       | Kinh      | K19 - KINH TẾ ĐẦU TƯ       | Kinh tế đầu tư | Kinh tế đầu tư       | 125                 | 8,49                                 | 3,5                                 | Giỏi                |
| 74  | DTE2053801070150 | Tạ Tuấn Minh        | 23/12/2002 | Thái Nguyên | Nam       | Tày       | K17 - LUẬT KINH TẾ         | Luật kinh tế   | Luật kinh tế         | 125                 | 6,91                                 | 2,48                                | Trung bình          |
| 75  | DTE2153801070056 | Trần Vũ Phương Linh | 04/05/2003 | Lạng Sơn    | Nữ        | Kinh      | K18 - LUẬT KINH TẾ         | Luật kinh tế   | Luật kinh tế         | 125                 | 8,48                                 | 3,54                                | Giỏi                |
| 76  | DTE2153404030008 | Mai Quỳnh Anh       | 18/08/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ A    | Quản lý công   | Quản lý kinh tế      | 125                 | 7,36                                 | 2,76                                | Khá                 |
| 77  | DTE2153404030124 | Lý Thị Quỳnh Hoa    | 02/11/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày       | K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B    | Quản lý công   | Quản lý kinh tế      | 125                 | 7,03                                 | 2,56                                | Khá                 |
| 78  | DTE2153404030095 | Nguyễn Anh Tú       | 20/05/1999 | Thái Nguyên | Nam       | Tày       | K18 - QUẢN LÝ KINH TẾ B    | Quản lý công   | Quản lý kinh tế      | 125                 | 7,12                                 | 2,74                                | Khá                 |
| 79  | DTE2053401150025 | Trần Lê Huy         | 31/10/2002 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh      | K17 - QUẢN TRỊ MARKETING A | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,94                                 | 2,5                                 | Khá                 |
| 80  | DTE2053401150226 | Nguyễn Phương Anh   | 14/09/2002 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K17 - QUẢN TRỊ MARKETING B | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,22                                 | 2                                   | Trung bình          |
| 81  | DTE2053401150053 | Dương Thị Thu Thủy  | 16/02/2002 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K17 - QUẢN TRỊ MARKETING B | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 7,8                                  | 3,14                                | Khá                 |
| 82  | DTE2153401150165 | Đào Thị Hoài        | 24/02/2003 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh      | K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,67                                 | 2,33                                | Trung bình          |
| 83  | DTE2153401150070 | Trần Thị Mận        | 29/12/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán Diu   | K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,88                                 | 2,53                                | Khá                 |
| 84  | DTE2153401150027 | Ngô Thị Tuyết Nhi   | 06/05/2002 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh      | K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,29                                 | 2,06                                | Trung bình          |
| 85  | DTE2153401150071 | Nguyễn Huy Thái     | 03/11/2003 | Yên Bái     | Nam       | Kinh      | K18 - QUẢN TRỊ MARKETING A | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,83                                 | 2,46                                | Trung bình          |
| 86  | DTE2153401150155 | Nông Lâm Thị Hòa    | 13/10/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Nùng      | K18 - QUẢN TRỊ MARKETING B | Marketing      | Quản trị Marketing   | 125                 | 6,98                                 | 2,51                                | Khá                 |

Ấn định danh sách 86 sinh viên./.

